

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 3 - 2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Phan Ngọc Lợi

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:***  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Quách Văn B, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Ấp N, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, anh Quách Văn B là nguyên đơn trình bày:*

Anh và chị H tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và nhiều nguyên nhân khác. Tháng 02/2018, chị H bỏ nhà đi cho đến nay không trở về.

Sau đó, anh đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với chị H nhưng không có kết quả. Đến thời điểm hiện tại anh vẫn không có tin tức gì về chị H và không biết chị H cư trú ở đâu.

Quá trình chung sống anh và chị H có 02 người con chung là cháu Quách Tường X1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Quách Văn X2, sinh ngày 08/11/2012, các con chung do anh chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định.

Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu được ly hôn với chị H; về con chung: Yêu cầu Tòa án ghi nhận việc anh nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con; về tài sản và nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chị Lê Thị H là bị đơn:* Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh B, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Anh Quách Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H. Tuy nhiên, chị H không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do

đương sự giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, chị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh không còn tình cảm với chị H nên cương quyết yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy, chị Lê Thị H đã bỏ địa phương đi từ tháng 02/2018 và đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, yêu cầu tuyên bố một người mất tích, theo quyết định số 04/2019/QĐST-VDS ngày 11/4/2019 và quyết định số 06/2020/QĐST-DS ngày 06/10/2020 cho đến nay chị H vẫn không có mặt tại nơi cư trú, không có tin tức gì về chị H. Do đó, anh B và chị H đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của anh B và chị H đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, anh B yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con: Quá trình chung sống anh B và chị H có 02 người con chung là Quách Tường X1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Quách Văn X2, sinh ngày 08/11/2012. Kể từ lúc chị H bỏ đi (tháng 02/2018) cho đến nay các con chung do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, anh đề nghị Tòa án ghi nhận việc anh nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, đề nghị của anh B phù hợp với quy định của pháp luật và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu X1 và cháu X2, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh B nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Trường hợp, anh B và chị H có tranh chấp về việc nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Quách Văn B đối với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Ghi nhận ý kiến của anh Quách Văn B nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quách Tường X1, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Quách Văn X2, sinh ngày 08/11/2012. Trường hợp, anh B và chị H có tranh chấp về việc nuôi con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Anh Quách Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005629 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, anh B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Quách Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 15/3/2021; chị Lê Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện G;
- THA huyện G;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Danh Thanh Phát**